

**Phụ lục I**  
**CÁC MỤC TIÊU CỤ THỂ CỦA KẾ HOẠCH**  
*(Kèm theo Kế hoạch số: 162/KH-UBND ngày 05/5/2026 của Ủy ban nhân dân xã Thiện Tân)*

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Cơ quan tham mưu theo dõi, đánh giá
<b>I</b>	<b>PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG</b>			
1.	Tỷ lệ người dân được phủ sóng 5G trên địa bàn xã	%	≥ 70	Phòng Văn hoá – Xã hội
2.	Tỷ lệ người sử dụng có khả năng truy cập băng rộng cố định với tốc độ trên 01 Gbps/s	%	≥ 65	Phòng Văn hoá – Xã hội
3.	Cán bộ, công chức có máy tính đáp ứng cấu hình tối thiểu và có chữ ký số cá nhân để giải quyết công việc trên môi trường điện tử	%	100	Phòng Văn hoá – Xã hội
4.	Đảm bảo hoạt động ổn định các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh	Duy trì	Hoạt động ổn định	Các cơ quan chủ trì triển khai phần mềm, hệ thống thông tin
<b>II</b>	<b>PHÁT TRIỂN NGUỒN LỰC</b>			
5.	Tổng chi ngân sách nhà nước cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	%	≥ 1,5	Phòng Kinh tế
6.	Cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số cơ bản gắn với vị trí việc làm	%	100	Phòng Văn hoá – Xã hội
7.	Cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành	%	≥ 90	Phòng Văn hoá – Xã hội
8.	Dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông	%	≥ 90	Phòng Văn hoá – Xã hội
9.	Bố trí cán bộ chuyên trách, kiêm nhiệm về chuyển đổi số bảo đảm phù		Đáp ứng	Phòng Văn hoá – Xã hội

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Cơ quan tham mưu theo dõi, đánh giá
	hợp, đáp ứng nhu cầu			
<b>III</b>	<b>PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO, CHUYỂN ĐỔI SỐ</b>			
10.	Ứng dụng một số công nghệ chiến lược, công nghệ số (AI, IoT, Big, Data...) trong quản lý môi trường, đô thị thông minh và các lĩnh vực trọng điểm để phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao chất lượng sống người dân	Ứng dụng	Đáp ứng	Phòng Kinh tế; Phòng Văn hoá – Xã hội
11.	Số sáng kiến trong khu vực công được công nhận trong năm	Sáng kiến	05	Phòng Văn hoá – Xã hội
12.	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính đủ điều kiện	%	100	Trung tâm phục vụ hành chính công
13.	Tỷ lệ TTHC cung cấp DVC trực tuyến cấp xã	%	100	Trung tâm phục vụ hành chính công
14.	Tỷ lệ TTHC cung cấp DVC trực tuyến toàn trình trên tổng số TTHC của cấp xã	%	≥ 80	Trung tâm phục vụ hành chính công
15.	Tỷ lệ số hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý hoàn toàn trực tuyến, người dân chỉ phải nộp hồ sơ một lần	%	≥ 90	Trung tâm phục vụ hành chính công
16.	Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính cấp xã	%	≥ 95	Trung tâm phục vụ hành chính công
17.	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin dữ liệu số hóa	%	≥ 95	Trung tâm phục vụ hành chính công
18.	Tỷ lệ thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp xã	%	100	Trung tâm phục vụ hành chính công
19.	Tỷ lệ thủ tục hành chính liên quan đến doanh nghiệp được thực hiện trực tuyến, thông suốt, liền mạch	%	100	Trung tâm phục vụ hành chính công
20.	Tỷ lệ thông tin, giấy tờ, tài liệu trong các TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh chỉ cung cấp một lần cho cơ quan hành chính nhà nước	%	≥ 80	Trung tâm phục vụ hành chính công
21.	Tỷ lệ giao dịch hành chính thuộc diện “phi tiếp xúc”	%	75	Trung tâm phục vụ

<b>Số TT</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Kết quả</b>	<b>Cơ quan tham mưu theo dõi, đánh giá</b>
				hành chính công
22.	Tỷ lệ hài lòng của người dân, doanh nghiệp khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến	%	$\geq 95$	Trung tâm phục vụ hành chính công
23.	Tỷ lệ kết nối, liên thông các hệ thống thông tin phục vụ hoạt động và chỉ đạo, điều hành (hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc, hệ thống thông tin báo cáo, hệ thống họp trực tuyến...) của các cơ quan	%	100	Các phòng, ban chuyên môn xã
24.	Tỷ lệ hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường điện tử (trừ hồ sơ thuộc phạm vi bí mật nhà nước) và sử dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ (dùng cho cá nhân, tổ chức) để giải quyết công việc	%	100	Các phòng, ban chuyên môn xã
25.	Tỷ lệ hồ sơ, tài liệu công việc phát sinh mới được tạo lập và xử lý trên môi trường điện tử; hoàn thành số hoá tài liệu lưu trữ trong 3 năm gần đây	%	100	Các phòng, ban chuyên môn xã
26.	Tỷ lệ doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương ứng dụng công nghệ số	%	100	Phòng Văn hoá – Xã hội
27.	Tỷ lệ người dân từ đủ 14 tuổi trở lên có tài khoản định danh điện tử (VNeID)	%	$\geq 80$	Công an xã
<b>IV</b>	<b>DỮ LIỆU SỐ</b>			
28.	Thông tin về tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức, được quản lý trên môi trường số	%	70	Phòng Văn hoá – Xã hội,
29.	Thông tin tuyên truyền đối ngoại được số hoá và thực hiện trên môi trường số	%	100	Phòng Văn hoá – Xã hội,
30.	Tỷ lệ văn bản điện tử có độ mật, tối mật được gửi, nhận, lưu trữ và xử lý qua hệ thống thông tin có sử dụng giải pháp bảo mật của ngành Cơ yếu theo đúng quy định	%	100	Các phòng, ban chuyên môn xã